

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC
TÊN HỌC PHẦN: NỀN & MÓNG
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 323

HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 01/08/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15					70	100			
1	142210189	BÙI NGỌC	HIẾU	T14XDC	6			6				8	7.4	Baý pháy Bấu			
2	142210211	NGUYỄN QUANG	KHUÔNG	T14XDC	10			7				1	3.3	Ba pháy Ba			
3	142210237	PHẠM NHƯ	QUÂN	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
4	142210890	ĐOÀN CÔNG	THÀNH	T14XDC	10			6				5.5	6.3	Sầu pháy Ba			
5	142220292	HUỲNH NGỌC	ANH	T14XDC	10			7				5.5	6.4	Sầu pháy Bấu			
6	142220293	NGÔ VĂN	ANH	T14XDC	6			6				5	5.3	Nằm pháy Ba			
7	142220294	NGUYỄN THẾ	BÌNH	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
8	142220295	PHẠM VĂN	BÌNH	T14XDC	6			6				5	5.3	Nằm pháy Ba			
9	142220296	TRƯƠNG QUANG	CẢNH	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
10	142220298	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	T14XDC	10			6				5.5	6.3	Sầu pháy Ba			
11	142220299	ĐOÀN VĂN	DANH	T14XDC	10			7				3	4.7	Bấu pháy Baý			
12	142220300	NGUYỄN TRÌNH	DIỄN	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
13	142220301	NGÔ QUANG	ĐỊNH	T14XDC	10			6				4	5.2	Nằm pháy Hai			
14	142220303	NGUYỄN KIM	DŨNG	T14XDC	10			6				4	5.2	Nằm pháy Hai			
15	142220304	LÊ VĂN	DƯƠNG	T14XDC	10			6				6	6.6	Sầu pháy Sầu			
16	142220305	NGUYỄN SINH	DUY	T14XDC	10			7				3	4.7	Bấu pháy Baý			
17	142220306	NGUYỄN THẾ	HẢI	T14XDC	8			7				6	6.5	Sầu pháy Nằm			
18	142220307	DƯƠNG	HẢI	T14XDC	10			7				3	4.7	Bấu pháy Baý			
19	142220308	NGUYỄN HỮU	HẢI	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
20	142220309	PHAN	HẢO	T14XDC	10			6				7	7.3	Baý pháy Ba			
21	142220310	HUỲNH VĂN	HIỆP	T14XDC	10			7				5	6.1	Sầu pháy Mất			
22	142220311	PHAN	HIẾU	T14XDC	8			6				4	4.9	Bấu pháy Chên			
23	142220312	VÕ VĂN	HÙNG	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
24	142220313	ĐOÀN CÔNG	HUY	T14XDC	10			7				5	6.1	Sầu pháy Mất			
25	142220314	TRẦN CÔNG	KHOA	T14XDC	8			7				6	6.5	Sầu pháy Nằm			
26	142220315	LÊ NGUYỄN	LÂM	T14XDC	5			5				4	4.3	Bấu pháy Ba			
27	142220316	NGUYỄN BÁ	LÂM	T14XDC	10			6				5	5.9	Nằm pháy Chên			
28	142220317	DƯƠNG TẤN	LĨNH	T14XDC	6			6				4	4.6	Bấu pháy Sầu			
29	142220318	NGUYỄN HỒNG	LỊNH	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
30	142220319	CAO VĂN	LƯƠNG	T14XDC	10			6				4	5.2	Nằm pháy Hai			
31	142220320	NGUYỄN VĂN	LÝ	T14XDC	5			5				3	3.6	Ba pháy Sầu			
32	142220321	NGUYỄN VĂN	MẠNH	T14XDC	10			7				6	6.8	Sầu pháy Tầm			
33	142220322	NGUYỄN HOÀI	NAM	T14XDC	10			6				6	6.6	Sầu pháy Sầu			
34	142220325	TRẦN HOÀNG	NHÂN	T14XDC	8			6				4	4.9	Bấu pháy Chên			
35	142220326	PHAN TẤN	NHÂN	T14XDC	0			0				V	0.0	Khăng			
36	142220327	HỒ XUÂN	NHẬT	T14XDC	8			6				5	5.6	Nằm pháy Sầu			
37	142220328	HUỲNH NGỌC	NINH	T14XDC	6			6				5	5.3	Nằm pháy Ba			
38	142220330	CAO ĐỨC	PHƯỚC	T14XDC	5			5				5	5.0	Nằm			
39	142220332	HUỲNH CÔNG	QUANG	T14XDC	6			6				4	4.6	Bấu pháy Sầu			
40	142220333	NGUYỄN MINH	QUYỀN	T14XDC	5			5				3	3.6	Ba pháy Sầu			

Ngày thi: 01/08/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15					70	100			
41	142220334	TRẦN NGỌC SÂM	T14XDC	10			6					4	5.2	Nằm pháp	Hai		
42	142220335	NGUYỄN TRUNG SƠN	T14XDC	10			6					4	5.2	Nằm pháp	Hai		
43	142220336	NGUYỄN NGỌC SƠN	T14XDC	6			6					6	6.0	Sầu			
44	142220337	PHAN VĂN TÂY	T14XDC	8			6					7	7.0	Báý			
45	142220338	NGUYỄN CAO THẠCH	T14XDC	8			6					7	7.0	Báý			
46	142220339	LÊ MINH THÀNH	T14XDC	8			6					6	6.3	Sầu pháp	Ba		
47	142220340	NGUYỄN TIỀN THÀNH	T14XDC	10			6					5	5.9	Nằm pháp	Chên		
48	142220341	LÊ VĂN THÀNH	T14XDC	10			6					5	5.9	Nằm pháp	Chên		
49	142220342	VƯƠNG CÔNG THÀNH	T14XDC	10			6					4	5.2	Nằm pháp	Hai		
50	142220343	NGÔ NGỌC THIÊN	T14XDC	10			7					5	6.1	Sầu pháp	Mắt		
51	142220344	HỒ VĂN THIẾU	T14XDC	10			6					7	7.3	Báý pháp	Ba		
52	142220345	MAI QUỐC THỌ	T14XDC	8			6					4	4.9	Bấứ pháp	Chên		
53	142220346	HOÀNG CHÍ TIẾN	T14XDC	10			6					V	0.0	Khăng			
54	142220347	NGUYỄN VĂN TRÍ	T14XDC	8			6					V	0.0	Khăng			
55	142220348	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	T14XDC	8			6					5	5.6	Nằm pháp	Sầu		
56	142220349	NGUYỄN TẤN TUÂN	T14XDC	10			7.5					6	6.8	Sầu pháp	Tầm		
57	142220350	NGUYỄN ANH TUẤN	T14XDC	10			7					5.5	6.4	Sầu pháp	Bấứ		
58	142220351	NGUYỄN VĂN TUẤN	T14XDC	10			7					5	6.1	Sầu pháp	Mắt		
59	142220352	TRẦN VĂN TƯỜNG	T14XDC	0			0					HP	0.0	Khăng			
60	142220353	NGÔ TÁ VIỆT	T14XDC	10			6					5	5.9	Nằm pháp	Chên		
61	142220354	NGUYỄN BÁ VINH	T14XDC	10			6					3	4.5	Bấứ pháp	Nằm		
62	142220356	NGUYỄN TRUNG VƯƠNG	T14XDC	6			6					3	3.9	Ba pháp	Chên		
1	0375	NGUYỄN THANH XUÂN	T13XDC1	0			0					V	0.0	Khăng			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	54	86%	
2	Số sinh viên nợ	9	14%	
TỔNG CỘNG :		63	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 08 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Nguyễn Ân